

bè trốn báo cho trạm kiểm thu bắt được. Những vụ phát hiện tương tự mất thì giờ như vậy, quan niệm là vụ phát hiện khó khăn, vì người phát hiện phải tập trung nhiều thì giờ công sức, mới phát hiện được, có khi theo dõi hàng nửa ngày, hàng ngày, có khi phải thức đêm lâu để theo dõi, có khi phải bỏ cả công việc riêng của mình để theo dõi.

3) Từ 20 đến 40% đối với những vụ phát hiện đặc biệt. Nghĩa là người phát hiện phải mất rất nhiều thì giờ, rất nhiều công sức, có khi phải theo dõi từ thật xa, nội dung vụ gian lận phức tạp phải điều tra nghiên cứu lâu mới phát hiện được, hoặc những vụ có tính chất nguy hiểm.

Tùy theo nội dung tính chất của vụ phạm pháp và công lao thực tế của người phát hiện mà Trưởng ty Nông lâm hay Lâm nghiệp sẽ xét mức độ tiền thưởng thích đáng, đề nghị Ủy ban tỉnh duyệt y, sau đó sẽ trích tiền phạt cấp cho người được quyền hưởng. Hàng tháng các Ty lập bảng kê tổng số tiền thưởng gửi về Bộ, tuyệt đối các trạm lâm nghiệp hay ủy nhiệm thu không được tự động trích cấp tiền thưởng.

CÁCH TÍNH TIỀN THƯỞNG

Chỉ những vụ phát hiện mà đương sự bị phạt mới có tiền thưởng, tiền thưởng sẽ tính trên số tiền phạt không tính trên số tiền bán lâm sản mà đương sự phải trả theo thưởng lệ. Thí dụ: một bè gỗ chở 80 cây. Trong đó 50 cây hợp lệ còn 30 cây phạm pháp bị xử lý như sau:

Tiền bán lâm sản của 30 cây phạm pháp	= 80.000đ.
Tiền phạt (gấp 3 lần tiền bán)	240.000đ.
Tiền thù lao về canh giữ	10.000đ.
Tổng cộng đương sự phải nộp:	330.000đ.

Khi tính tiền thưởng chỉ lấy 240.000 đồng nhân với tỷ lệ thưởng 5 — 40% (tùy theo mức thưởng) không phải nhân cả với 330.000 đồng. Nếu số gỗ đó bị phạt tịch thu đem bán được 350.000 đồng thì khi tính tiền thưởng sẽ trừ trước 80.000 đồng tiền bán và 10.000 đồng tiền thù lao canh giữ, còn 260.000 đồng đem nhân với tỷ lệ tiền thưởng.

VẤN ĐỀ CHUNG

Để tránh sự lợi dụng, các biên bản phạm pháp phải nêu rõ các trường hợp vi phạm. Phải tôn trọng đúng nguyên tắc quyền hạn xử lý đã quy định, tránh tình trạng các trạm lâm nghiệp hay ủy nhiệm thu tự mình xử lý các vụ phạm pháp mà chưa có sự đồng ý của Ủy ban tỉnh. Chỉ có Ủy ban Hành chính tỉnh mới có quyền quyết định việc cấp

tiền thưởng và Ủy ban cần phải xét từng trường hợp rất kỹ càng trước khi quyết định để việc cấp tiền thưởng được chính xác và có tác dụng tốt.

Những hành động cố ý khai không đúng sự thật để tăng tiền thưởng quá mức hoặc để hưởng tiền thưởng một cách không chính đáng đều coi là hành động phạm pháp.

Hà nội, ngày 6 tháng 1 năm 1958

KT Bộ trưởng Bộ Tài chính KT Bộ trưởng Bộ Nông lâm
Thủ trưởng Thủ trưởng
TRINH VĂN BÌNH LÊ DUY TRINH

NỘI VỤ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 43-NV/TT ngày 30-11-1957 quy định chế độ đãi ngộ áp dụng đối với cán bộ hoạt động ở miền núi

Thi hành thông tư số 411-TTg ngày 7-9-1957 của Thủ tướng phủ ban hành một số điểm về chính sách đối với cán bộ hoạt động ở miền núi, Liên bộ Nội vụ — Tài chính tạm thời quy định dưới đây một số điểm về chế độ phụ cấp đối với cán bộ hoạt động miền núi, nhằm chiếu cố một phần đến hoàn cảnh sinh hoạt và công tác khó khăn của anh em cán bộ, để cho anh em thêm yên tâm, phấn khởi công tác, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng và củng cố các vùng miền núi đạt được kết quả tốt.

I. — PHỤ CẤP ĐI ĐƯỜNG

Do hoàn cảnh đặc biệt ở miền núi, phụ cấp đi đường không căn cứ vào cây số hoặc ăn cơm ngoài cơ quan để tính như vùng xuôi, mà tính theo chặng đường đi, cụ thể như sau:

1) Cán bộ khi đi công tác trên một chặng đường mất một buổi, thì được hưởng nửa định suất là 600đ, nếu phải đi chặng đường mất một ngày thì được tính 1.200đ, không kể có ăn cơm trong hay ngoài cơ quan.

2) Cán bộ đi công tác từ xã này sang xã khác cũng được tính công tác phí theo chặng đường và thời gian quy định như trên, những ngày lưu trú ở xã công tác không được tính.

3) Cán bộ, nhân viên có nhiệm vụ đi công tác lưu động thường xuyên, một ngày đi công tác trên đường được hưởng 400đ, nếu đi một buổi thì hưởng 200đ, không kể ăn cơm ở ngoài hay trong cơ quan, những ngày lưu lại công tác ở một nơi thì không có phụ cấp.

II. — PHƯƠNG TIỆN ĐI LẠI

— Địa phương nào không dùng được xe đạp vì không có đường xá thuận tiện mà phải đi ngựa thì Ủy ban khu sẽ nghiên cứu và đề nghị Bộ Tài chính xét cấp cho mỗi cấp (khu, tỉnh, châu) được mua một số ngựa thật cần thiết cho công tác, việc mua và nuôi ngựa này không nên mở rộng vì phải có thêm người trông nom, chăn dắt, phải cung cấp thóc, muối, v.v... tốn kém rất nhiều cho công quỹ.

III. — NGHỈ PHÉP

Trong khi chờ đợi Chính phủ ban hành chế độ nghỉ hàng năm Liên bộ tạm thời quy định như sau:

Cấp bộ nhân viên miền xuôi công tác ở miền núi mỗi năm chỉ được nghỉ một lần từ 7 đến 15 ngày tùy theo gia đình ở gần hoặc xa không kể ngày đi và về và được cấp tiền tàu xe, tiền phụ cấp đi đường.

Riêng đối với cán bộ dân tộc địa phương, cần được chiếu cố đến phong tục tập quán nên hàng năm cũng được nghỉ trong phạm vi từ 7 đến 15 ngày, nhưng có thể chia ra hai hoặc ba lần nghỉ vào những ngày tết, hội hè, đình đám, ngày mùa, v.v... tùy theo phong tục tập quán của mỗi dân tộc. Tuy vậy, chỉ thanh toán tiền tàu xe, tiền phụ cấp đi đường một năm một lần thôi, còn những lần nghỉ phép khác không được cấp.

Ngoài ra, nếu có trường hợp đặc biệt có bố mẹ đẻ, vợ con chết hoặc cưới vợ, lấy chồng mà cơ quan xét cần để cán bộ về thì có thể giải quyết cho nghỉ phép, nếu trước đó cán bộ đã đi nghỉ phép và đã được thanh toán tiền tàu xe, tiền phụ cấp đi đường một lần rồi, thì lần này cũng được xét và có thể chiếu cố cho thanh toán như khi đi nghỉ phép. Trường hợp chưa nghỉ phép thì cơ quan sẽ cho kết hợp với lần nghỉ phép hàng năm; tiền tàu xe, tiền phụ cấp đi đường thanh toán lần này coi như khoản thanh toán cho đi nghỉ phép hàng năm.

Đối với những cán bộ, nhân viên kể cả người kinh và dân tộc nếu gia đình ở gần nơi mình công tác, mà ngày lễ, chủ nhật hoặc lúc đi công tác đã kết hợp về thăm gia đình rồi, sẽ không nhất thiết phải nghỉ phép hàng năm nữa.

Điều cần chú ý giải thích cho anh em là việc quy định nghỉ phép hàng năm cho cán bộ nhân viên hoạt động ở miền núi trên đây chỉ là biện pháp giải quyết tạm thời, lúc nào Chính phủ chính thức ban hành chế độ nghỉ hàng năm thì sẽ thi hành theo chế độ chung và việc nghỉ phép tạm thời quy định trên sẽ không áp dụng nữa.

IV. — CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

Tiêu chuẩn y được phí, thuốc phòng, bồi dưỡng đối với cán bộ nhân viên hoạt động miền núi vẫn thi hành theo chế độ y được phí nói trong thông tư 1100-TC/HCP ngày 26-10-1956 của Liên bộ Tài chính và Y tế, trong đó có phân biệt miền núi và miền xuôi. Nếu thi hành đúng thông tư 1100-TC/HCP nói trên và các công văn hướng dẫn số 4065-BYT/CB tháng 4-1957, số 4488 ngày 3-6-1957 của Bộ Y tế cũng như sau khi đã điều hòa giữa các cơ quan đồng cấp mà tiêu chuẩn thuốc hàng năm vẫn không đủ thì Ủy ban khu (Khu Tài chính) sẽ phản ánh cụ thể về Bộ Tài chính để Bộ Tài chính cùng với Bộ Y tế nghiên cứu giải quyết.

Đối với cán bộ nhân viên hoạt động ở vùng cao (nơi xa xôi hẻo lánh nhất như biên giới v.v...) lúc đi công tác dễ bị đau ốm nằm nhà đau không có cơ quan, bệnh xá, v.v... thì được bồi dưỡng mỗi ngày là 400đ. Cách quản lý tiêu chuẩn, chế độ này và thể thức thanh toán thế nào cho chặt chẽ trong những trường hợp nói trên cũng như nơi nào thuộc vùng cao thì do Ủy ban các khu quy định cụ thể và báo cáo lên Liên bộ biết để theo dõi.

Cần tăng cường các loại thuốc phòng cần thiết như (phòng độc, rắn độc, v.v...) cho những cán bộ đi công tác trong rừng núi xa cơ quan không có bệnh xá, bệnh viện.

ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH CÁN BỘ

Gia đình cán bộ, nhân viên như cha mẹ đẻ, vợ con hoặc chồng và anh chị em ruột (kể cả cán bộ kinh và dân tộc) ở xa cơ quan của người cán bộ công tác trên dưới một ngày đường đi bộ đến thăm, thì được hưởng chế độ chiếu đãi một năm một lần, gia đình cán bộ đến thăm được cơ quan chiếu đãi mỗi lần từ 1 đến 3 người và trong thời gian 7 ngày, mỗi ngày là 800 đồng. Nếu gia đình lưu lại quá số ngày hoặc quá số người đã quy định trên thì người cán bộ phải tự đài thọ lấy.

★

Ủy ban Hành chính các liên khu, khu có miền núi nghiên cứu chu đáo và dựa theo tình hình địa dư, tình hình hoạt động của cán bộ ở miền núi để quy định địa phương nào là vùng cao, vùng núi và áp dụng các chế độ phụ cấp tạm thời nói trên cho được sát hợp nhằm đãi ngộ được những cán bộ nhân viên hoạt động ở vùng rừng núi có nhiều khó khăn gian khổ, cần hết sức tránh việc áp dụng tràn lan nhất loạt nơi nào cũng như nơi ấy. Sau khi đã quy định cụ thể nơi nào là miền núi, nơi nào là vùng cao cho từng khu để áp dụng chế độ

nói trên, Ủy ban các khu báo cáo lên Liên bộ Nội vụ — Tài chính biết để theo dõi.

Thông tư này áp dụng cho cán bộ công nhân viên, kể cả cán bộ kinh và dân tộc trong biên chế từ huyện, châu trở lên hoạt động ở miền Núi và bắt đầu thi hành kể từ ngày nhận được thông tư này không đặt vấn đề truy lĩnh.

Hà nội, ngày 30 tháng 11 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thư Trưởng

Thư Trưởng

TRINH VĂN BÌNH

TÔ QUANG ĐÀU

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 6669-PL ngày 22-11-1957 về việc tính lương và phụ cấp khu vực cho cán bộ công nhân viên đi công tác.

Kính gửi: Các Bộ,
Các cơ quan trung ương,
Các Ủy ban Hành chính khu,
thành phố, tỉnh.

Vi quan niệm về việc tăng lương theo tỷ lệ và phụ cấp khu vực không thống nhất, vì thông tư số 30-PQC ngày 28 tháng 9 năm 1956 của Bộ Nội vụ về phụ cấp khu vực và thông tư số 21-TT/LB ngày 15 tháng 11 năm 1956 của Liên bộ Nội vụ — Tài chính — Lao động về việc tăng lương có điểm khác nhau, nên cách tính lương và phụ cấp khu vực cho cán bộ, công nhân viên đi công tác mỗi nơi một khác.

Để việc áp dụng được thống nhất, Bộ Nội vụ đã trao đổi với Bộ Tài chính, Bộ Lao động và có ý kiến như sau:

1. — Lương cơ bản cộng với khoản tăng theo tỷ lệ và phụ cấp khu vực thành ra tiền lương cho từng khu vực.

Hiện nay có những mức tăng lương và tỷ lệ phụ cấp khu vực như sau:

1) **Mức tăng lương:**

a) 12% cho Hà nội, khu mở Hongay, Cát bà, Cát hải.

b) 8% cho Hải phòng, Đồ sơn, khu tự trị Thái Mèo và tỉnh Lào kay.

c) 5% cho các địa phương khác.

2) **Phụ cấp khu vực:**

a) Khu vực Hà nội: trước quy định là 5,8% tính tròn là 6%.

b) Khu vực miền Núi:

Khu vực 1: 20%

Khu vực 2: 13%

Khu vực 3: 6%

Như vậy, lương của một cán bộ bậc 13 thang lương 17 bậc (gồm có lương cơ bản cộng với khoản tăng theo tỷ lệ và phụ cấp khu vực ở các địa phương) thành tiền như sau:

$$\text{Hà nội} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (12+6\%)}{100} = 39.884đ \end{array} \right.$$

$$\text{Hongay} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times 12}{100} = 37.856đ \end{array} \right.$$

$$\text{Cát bà} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times 8}{100} = 36.504đ \end{array} \right.$$

$$\text{Cát hải} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times 8}{100} = 36.504đ \end{array} \right.$$

$$\text{Hải phòng} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times 8}{100} = 36.504đ \end{array} \right.$$

$$\text{Đồ sơn} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times 8}{100} = 36.504đ \end{array} \right.$$

— **Khu Tự trị Thái-Mèo và tỉnh Lào kay:**

$$\text{Khu vực 1} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (20+8\%)}{100} = 43.264đ \end{array} \right.$$

$$\text{Khu vực 2} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (13+8)}{100} = 40.898đ \end{array} \right.$$

$$\text{Khu vực 3} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (6+8)}{100} = 38.532đ \end{array} \right.$$

— **Các địa phương miền Núi khác có phụ cấp khu vực:**

$$\text{Khu vực 1} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (20+5)}{100} = 42.250đ \end{array} \right.$$

$$\text{Khu vực 2} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (13+5)}{100} = 39.884đ \end{array} \right.$$

$$\text{Khu vực 3} \left\{ \begin{array}{l} 33.800đ + \frac{33.800đ \times (6+5)}{100} = 37.518đ \end{array} \right.$$

— **Các địa phương khác chỉ có 5% tăng lương**
$$33.800đ + \frac{33.800đ \times 5}{100} = 35.490đ$$

Khi tính lương cho cán bộ, công nhân viên đi công tác từ địa phương này đến địa phương khác không tách rời tỷ lệ tăng lương và phụ cấp khu vực mà phải cộng lại để so sánh và tính chênh lệch.

Sau đây là cách tính:

A. — **ĐI CÔNG TÁC TẠM THỜI.**

1 — *Từ nơi mức lương tăng và phụ cấp khu vực thấp đến nơi mức lương tăng và phụ cấp khu vực cao:*

— Thời gian ở lại công tác dưới 10 ngày vẫn giữ nguyên không tính theo nơi cao.

Thí dụ: Một cán bộ của Ủy ban Hành chính tỉnh Thái nguyên nơi chỉ có tăng lương 5% đi công tác đến huyện Định hóa, nơi phụ cấp khu vực 2 thời gian 7, 8 ngày rồi lại về cơ quan Ủy ban Hành chính tỉnh hội ý công tác một vài ngày, xong rồi lại đến huyện Định hóa hoặc đến huyện Võ nhai, nơi phụ cấp khu vực 2 công tác 8 ngày rồi lại về; như vậy thì lương vẫn lĩnh như ở cơ quan tỉnh. Cần chú ý là không cộng ngày của các chuyến đi công tác để tính thành tổng số ngày mà tính cho lĩnh tiền chênh lệch.